

Bản án số: 183/2025/DS-ST

Ngày: 29-10-2025.

Về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Trần Văn Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân khu vực 2 – Đồng Nai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2025/QĐXXST-DS ngày 13/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 686/2025/QĐST-DS ngày 29/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: A đường C, phường P, TP . (cũ là phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Bà Nguyễn Thị T uỷ quyền cho chị Tạ Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đô thị X, P, H, TP .; Địa chỉ liên lạc: Công ty L3, số B L, ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai (hợp đồng uỷ quyền ngày 04/3/2025).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1973.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ D, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai (cũ là xã L, huyện L).

Nơi ở hiện nay: Tổ H, khu B, xã A, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có mặt; ông L, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn chị Tạ Thị P trình bày:***

Ngày 06/3/2013, bà T được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 730903 đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ số 61, diện tích 939m², mục đích sử dụng đất: đất trồng cây công nghiệp lâu năm, tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai). Hiện trạng đất đang để trống, nguồn gốc thửa đất trên là bà T được nhận thừa kế.

Ngày 03/01/2025, bà T ký hợp đồng đo đạc, cắm mốc ranh theo sổ đồ được cấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh L4. Trong quá trình đo đạc, cắm mốc thì ông Nguyễn Tuấn L chủ thửa đất số 362 tờ 61 (sát ranh đất của bà T) cho rằng phần diện tích đất khoảng 11,2m² là đất của ông L và ngăn cản không cho bà T cắm mốc ranh đất để tiến hành đo đạc. Qua xem xét thì thấy phần đất ông L lấn sang phần đất của bà T khoảng 11,2m² (ngang khoảng 0,4m, dài khoảng 28m). Sau nhiều lần yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng ông L không trả lại đất nên bà T làm thủ tục khởi kiện ông L tại Tòa án. Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 bà T khởi kiện yêu cầu ông L trả lại diện tích đất khoảng 11,2m² thuộc một phần thửa 426 tờ 61 xã A.

Sau khi tiến hành đo đạc thực tế, và tại phiên tòa bà T có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn L và bà Phạm Thị H trả lại cho bà T phần đất lấn chiếm có diện tích 18,5 m², thửa 426-1 thuộc một phần thửa đất số 426, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) được giới hạn bởi các mốc (1', 8, 3', 2', 1') theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4.

Đại diện nguyên đơn thống nhất với Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4 và thống nhất với chứng thư thẩm định giá số 436/2025 ngày 04/9/2025 của Công ty cổ phần T4.

*** *Tại các bản tự khai, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H trình bày:***

Vào năm 2010 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thanh T1 diện tích đất 299m² thửa 362 tờ bản đồ 61 xã A. Ông L, bà H được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 384402 ngày 13/10/2010.

Khi ông L, bà H nhận đất thì đầu đất rộng 10m, cuối đất rộng 10 m, dài 30m. Bao quanh đất là hàng rào gạch xây cao khoảng 30cm. Sau khi nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông bà cất 01 căn nhà trên ½ diện tích đất ngang 5m, dài 30 m, phần đất trống kê bên ngang 5m, dài 30m là phần đất tiếp giáp với thửa 426, tờ bản đồ số 61 của bà T.

Trước đây, giữa thửa 362 của vợ chồng ông và thửa 426 của bà T có hàng rào gạch cao khoảng 30cm làm ranh nhưng sau này bà T đã tự ý phá bỏ phần hàng rào nên hiện tại giữa hai thửa đất không có gì làm ranh. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại diện tích đất 18,5 m² ông bà không đồng ý do hiện tại đất của ông bà cũng đang bị thiếu so với sổ đồ được cấp.

Bị đơn thống nhất với Phiếu đo đạc chính lý thửa đất 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4 và thống nhất với chứng thư thẩm định giá số 436/2025 ngày 04/9/2025 của Công ty cổ phần T4. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa khi tiến hành tố tụng đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 68, 70, và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Bị đơn: Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 68, 70, và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L, bà H trả lại cho bà T diện tích đất 18,5 m², thửa 426-1, tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) được giới hạn bởi các mốc (1', 8, 3', 2', 1') theo Phiếu đo đạc chính lý thửa đất số 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 426, tờ bản đồ số 61 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H trả lại diện tích đất 18,5m² thuộc thửa 426-1 tờ 61 xã A được giới hạn bởi các mốc (1', 8, 3', 2', 1') cho bà Thanh quản L1 sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất 426, tờ bản đồ số 61 có tổng diện tích 939m² xã A:

Theo phiếu cung cấp thông tin số 2283/CCTT-VPĐK.LT-TTLT ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh L4 cung cấp: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 09 (bản đồ địa chính năm 1994) xã A, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 458688 được UBND huyện L cấp ngày 27/05/1994 ghi tên bà Phạm Thị L2.

Ngày 28/10/2004, theo Quyết định số 5003/QĐ.CT-UBH ngày 28/10/2004 của UBND huyện L về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 458688 ghi tên bà Phạm Thị L2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 080667 ngày 28/10/2004 cho ông Nguyễn Văn B.

Ngày 05/05/2008, theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế số 121, quyền số 01/TP/CC-HĐGD do UBND xã A chứng thực, ông Nguyễn Văn T2 được thừa kế, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AA 080667 trong đó có thửa đất số 454 tờ bản đồ số 09 (bản đồ địa chính năm 1994) tọa lạc tại xã A, theo bản đồ địa chính năm 2007 là thửa đất số 426 tờ bản đồ số 61, diện tích 939.0m², loại đất trồng cây lâu năm. Được UBND huyện L ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 734525 ngày 24/11/2010.

Ngày 19/10/2012, ông Nguyễn Văn T2 ký hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T3 đất số 426 tờ bản đồ số 61, diện tích 939.0m² loại đất CLN theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 06/2012 quyền số 04/2012-CC-SCC/HĐGD do Phòng C chứng thực. Được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 730903 ngày 06/03/2013 ghi tên bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất số 362 tờ 61 xã A.

Theo phiếu cung cấp thông tin số 2284/CCTT-VPĐK.LT-TTLT ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh L4 cung cấp: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 09 (bản đồ địa chính năm 1994) xã A, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 458688 được UBND huyện L cấp ngày 27/05/1994 ghi tên bà Phạm Thị L2.

Ngày 28/10/2004, theo Quyết định số 5003/QĐ.CT-UBH ngày 28/10/2004 của UBND huyện L về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 458688 ghi tên bà Phạm Thị L2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 080667 ngày 28/10/2004 cho ông Nguyễn Văn B.

Ngày 20/03/2006, ông Nguyễn Văn B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quan H1 thửa đất số 1483 tờ bản đồ số 09, diện tích 990.0m² loại đất CLN (cắt thửa 454 tờ bản đồ số 09), theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 91/CN do UBND xã A chứng thực. Được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 878443 ngày 12/04/2006 ghi tên ông Nguyễn Quang H2.

Ngày 31/07/2006, ông Nguyễn Quan H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Trần Lương N thửa đất số 1571 tờ bản đồ số 09, diện tích 300.0m² loại đất CLN (cắt thửa 1483 tờ bản đồ số 09), theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 298/CN do UBND xã A chứng thực. Được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 890417 ngày 14/09/2006 ghi tên bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Trần Lương N.

Ngày 18/02/2008, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Trần Lương N ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tuấn L thửa đất số 1571 tờ bản đồ số 09, diện tích 300.0m² loại đất CLN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 173/2008 quyền số 02/2008-TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng C chứng thực. Được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật biến động trên trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 890417 ngày 19/03/2008 ghi tên ông Nguyễn Tuấn L.

Ngày 14/04/2008, ông Nguyễn Tuấn L thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 890417, thửa đất số 1571 tờ bản đồ số 09, diện tích 300.0m² (bản đồ địa chính năm 1994), theo bản đồ địa chính mới năm 2007 là thửa đất số 362 tờ bản đồ số 61, diện tích 299.0m², loại đất CLN được UBND huyện L ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 384402 ngày 13/10/2010 ghi tên ông Nguyễn Tuấn L và bà Phạm Thị H.

Xét thấy, thửa đất số 426 tờ 61 xã A của bà Nguyễn Thị T và thửa 362 tờ 61 của ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các phần đất đều có ranh mốc rõ ràng, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 426 và thửa 362 tờ 61 xã A là đúng trình tự, thủ tục quy định và các đương sự không có ý kiến gì về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Do đó, xác định thửa đất số 426, tờ bản đồ số 61 xã A thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Đến tháng 01/2025 khi bà T đến cắm mốc lại ranh đất thì bị đơn ông L cho là đất của ông L và cản trở không cho bà T cắm mốc, không thống nhất ranh giới sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh L4 thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là 18,5m² thửa 426-1 được giới hạn bởi các mốc (1', 8, 3', 2', 1') là thuộc một phần thửa đất số 426, tờ bản đồ số 61, xã A, tỉnh Đồng Nai bà T đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc ông L, bà H quản lý, sử dụng không đúng phần đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có hành vi ngăn cản bà T sử dụng đất của mình là hành vi trái pháp luật, là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất được pháp luật bảo hộ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc ông L, bà H trả lại cho bà T diện tích đất 18,5m² thửa 426-1, tờ bản đồ số 61 xã A là phù hợp với Điều 26 Luật đất đai năm 2024.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thu thập tài liệu chứng cứ, chi phí thẩm định giá là 22.010.143 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ chi phí thu thập tài liệu chứng cứ và chi phí đo đạc, thẩm định giá số tiền 22.010.143 đồng. Do bà T đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông L, bà H phải trả lại cho bà T số tiền trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 157, 165, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Căn cứ Điều 11, Điều 26, 31 của Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P1 đất diện tích 18,5m² thửa 426-1, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) được giới hạn bởi các mốc (1', 8, 3', 2', 1') theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 5905/2025 ngày 15/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 22.010.143 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng số tiền trên nên buộc ông L, bà H trả lại cho bà T số tiền 22.010.143 đồng (hai mươi hai triệu không trăm mười nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

3. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014807 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tuấn L, bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV2 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhật Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Hội thẩm nhân dân
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nguyễn Thị Thu Hà Trần Văn Thanh

Trần Nhật Lệ